

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HS-ST.

Ngày: 03/01/2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Giang.

2. Ông Vũ Văn Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 58/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Thị Hồng O (tên thường gọi: N), sinh ngày 24 tháng 4 năm 1984, tại tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký thường trú: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (Chỗ ở trước khi bị bắt tạm giam: Số B N, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm K (đã chết) và bà Lê Thị H, sinh năm 1959; bị cáo có chồng là Lê Thanh H1, sinh năm 1974 (đã ly hôn); bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất 2017; tiền sự: Không; tiền án: 01.

- Ngày 01/10/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt 20 tháng cải tạo không giam giữ, về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2018/HS-ST, chưa chấp hành phần bồi thường trách nhiệm dân sự và chưa chấp hành việc nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2024 đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh KonTum. Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh K. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Đức T1, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.

2. Anh Huỳnh Quy N1, sinh năm 1998. Vắng mặt.

Nơi thường trú: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. Nơi ở hiện nay: Số A T, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3. Anh Trần Thanh P, sinh năm 1977. Có mặt.

Trú tại: Thôn T, xã K, Tp K, tỉnh Kon Tum.

4. Chị Nguyễn Thị N2, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Trú tại: Số E N, phường N, Tp K, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/4/2023, Nguyễn Thanh T và một số người bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bắt quả tang về hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc tại thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Đến khoảng giữa tháng 4/2023, T đến quán nhà bà Lê Thị H, tại thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum uống nước thì gặp Phạm Thị Hồng O (*tên thường gọi là N là con gái bà H*). Tại đây, O biết T và một số người trong thôn có liên quan đến vụ án đánh bạc xảy ra tại thôn G, xã Đ, huyện Đ nên O hỏi T về sự việc trên thì T nói “*em đang lo nhưng chưa ổn*”. Nghe vậy, O nói với T: “*để chị hỏi chị giúp cho*”; T đồng ý và nhờ O hỏi để lo giúp cho T để T chỉ bị xử lý nhẹ về hành vi phạm tội của mình. Sau một thời gian liên lạc, trao đổi với nhau qua điện thoại (T sử dụng số điện thoại 0983757671 đăng ký tài khoản Zalo với tên tài khoản “Tttt”, trên ứng dụng Z, T lưu tên tài khoản Zalo của O là “Ngân7”; O sử dụng số điện thoại 0399256768 đăng ký tài khoản Zalo với tên tài khoản “Hồng Anh”, trên ứng dụng Z, O lưu tên tài khoản Zalo của T là “Ttttt”). Sau khi nhờ được Phạm Thị Hồng O, T kể lại việc T nhờ O giúp cho Phạm Quốc T2, Trần Hữu S, Hồ Thế S1, Võ Duy T3, Nguyễn Đức T1 và Phạm Xuân H2 là những người cùng bị bắt, xử lý trong vụ án đánh bạc biết. Đồng thời T nói “nếu O lo được thì T sẽ đứng ra liên hệ lo giúp luôn cho cả 06 người” thì những người nói trên đồng ý. Đến trưa ngày 26/5/2023, O nhắn tin cho T qua Zalo với nội dung “*Vụ bên viện lo được c xin mỗi đưa 10tr, 7 đưa 70. Đúng luật thì mỗi đưa 20 nhưng c nói khó. Họ chịu*”. T nhắn lại với nội dung đồng ý; O nhắn tiếp với nội dung “*Anh bên vks ảnh nói ứng trước 20tr để ảnh lo cv. Xong cv ổng mới lấy đủ*” và đề nghị T chuẩn bị trước cho O số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) vào đầu giờ chiều cùng ngày để O đi lo việc thì T đồng ý. Đến 13 giờ 01 phút cùng ngày, O nhắn cho T với nội dung “*Alo lo đc 20 chưa e*”, sau đó O gửi thông tin tài khoản ngân hàng số 040058556868 (*mang tên Phạm Thị Hồng O mở tại Ngân hàng TMCP S2 - Phòng G, thành phố K, tỉnh Kon Tum*) cho T và T đã chuyển số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) đến số tài khoản trên. Sau khi nhận được tiền, O nhắn “*Ok c chuyển liền*” rồi O chuyển số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) trên vào số tài khoản

4224205022400 (mang tên Phạm Thị Hồng O mở tại Ngân hàng N4 - Chi nhánh tỉnh Q) và ghi nội dung: **“Ck lo vks tu”**. Sau đó, O chụp ảnh màn hình điện thoại thể hiện việc chuyển số tiền trên gửi qua Zalo cho T để T tin tưởng. Thấy O đã chuyển tiền đến số tài khoản trên, T nhắn hỏi: *“Chuyển qua ai vậy chị”* thì O nhắn lại: *“Cái này chị phải giữ không nói em được. Miễn sao chị lo tốt công việc của em là được”*. Đến ngày 12/6/2023, O tiếp tục nhắn tin cho T rồi đưa ra thông tin rằng O chuẩn bị lên Cơ quan Công an, Viện kiểm sát để liên hệ xin xe bị tạm giữ trong vụ đánh bạc của T và nói T chuyển cho O số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) để quà cáp cảm ơn; riêng số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) còn lại thì O nhắn *“Còn 30 tr c lấy hồ sơ đưa sau”*; T đồng ý và chuyển số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) vào tài khoản số 040058556868 của O. Đến ngày 03/7/2023, O nhắn tin cho T với nội dung *“Chị nói sắp OK rồi lát e phụ thêm ít chị mời mấy ổng đi nhậu”*; T đồng ý và chuyển số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) vào tài khoản số 040058556868 vào chiều cùng ngày. Đến ngày 11/7/2023, O và T tiếp tục nhắn tin qua Z; O đề nghị T chuyển hết số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) còn lại; cùng ngày, T chuyển số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) đến số tài khoản 040058556868 của O. Đến sáng ngày 12/7/2023, T tiếp tục chuyển đến số tài khoản 040058556868 của O số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng). Ngày 27/9/2023, O nhắn cho T nói cần tiền đi nhậu, gấp gờ lo việc cho T và T đã chuyển số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) đến số tài khoản 040058556868 của O. Đến đầu tháng 10/2023, T thấy vụ việc của mình vẫn bị điều tra, xử lý nên T hỏi O thì được O dặn: *“cứ lên làm việc theo thủ tục, không vắn đề gì”*. Đến ngày 14/10/2023, O nhắn cho T đề nghị đưa thêm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để O tiếp tục lo việc cho T; T đồng ý và chuyển số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) vào số tài khoản 040058556868 của O đến ngày 03/10/2023, O nhắn tin cho T hỏi mượn số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), T đồng ý và chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào số tài khoản 040058556868 cho O mượn. Sau đó, vào trưa ngày 14/11/2023, O tiếp tục đưa ra lý do cần thêm tiền để lo việc và yêu cầu T chuyển số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng); lúc này T nói không đủ tiền nên O nhắn cho T với nội dung *“Vậy chiều nay ko có để lo cho tỉnh luôn hay sao. C lo đc 5tr e kiếm thêm 15tr đi. Rồi c em mình tính sau. Để cho xong việc. K tiền k nói đc việc đâu. C đem sâm qua rồi. Ô nói tiền để anh đưa người khác. E anh giúp k”*. Vì tin tưởng thông tin trên, đến chiều cùng ngày T chuyển số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) vào số tài khoản 040058556868 của O đến ngày 22/11/2023, T chuyển vào tài khoản của O số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để uống nước.

Đến sáng ngày 24/11/2023, do được O hẹn từ trước, T cùng với Phạm Quốc T2, Trần Hữu S, Hồ Thế S1, Võ Duy T3 và Nguyễn Đức T1 đến quán cà phê đối diện cây xăng dầu “Á” thuộc thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum để gặp O. Tại đây, O đưa cho mỗi người 01 tờ đơn có nội dung xin hoãn phiên tòa và đề nghị 06 người viết thông tin và ký vào đơn để nộp cho Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà. Sau khi 06 người ký đơn xong, O nói nhờ người làm các tờ đơn trên mỗi đơn 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), 06 người hết 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm ngàn đồng). Lúc này, do không

có tiền mặt nên T nhờ Nguyễn Đức T1 chuyển khoản cho O. Vì tài khoản không đủ tiền, T1 chuyển khoản cho O số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*). Sau cuộc gặp trên, Võ Duy T3 cầm 06 tờ đơn xin hoãn phiên tòa mang đến Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà để nộp nhưng không được chấp nhận. Đến ngày 01/12/2023, O tiếp tục nhắn cho T đưa ra thông tin “*có thể lo xin cho T được hưởng án treo với chi phí 50 triệu đồng, nhưng do O có quen biết nên chỉ cần 30 triệu đồng là lo giúp cho T được*”. Tin tưởng thông tin trên là thật, T đồng ý và trong ngày 01/12/2023 đã chuyển vào số tài khoản 040058556868 của O 03 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*). Đến ngày 06/12/2023, T chuyển thêm cho O số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*). Tổng cộng từ ngày 26/5/2023 đến ngày 06/12/2023, Nguyễn Thanh T đã 15 (Mười lăm) lần chuyển vào số tài khoản số 040058556868 của Phạm Thị Hồng O với tổng số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Trong tổng số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*) mà Nguyễn Thanh T chuyển khoản cho Phạm Thị Hồng O trong khoảng thời gian từ ngày 26/5/2023 đến ngày 06/12/2023 thì Phạm Thị Hồng O sử dụng để trả nợ cho anh Huỳnh Qui N3 với số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) vào ngày 26/5/2023; trả nợ nhiều lần cho chị Nguyễn Thị N2 vào các ngày 12/6/2023, 11/7/2023, 12/7/2023, 16/10/2023 và ngày 14/11/2023 với tổng số tiền 55.000.000 đồng (*Năm mươi lăm triệu đồng*); trả nợ cho anh Trần Thanh P với số tiền 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*) vào ngày 01/12/2023. Số tiền còn lại 38.000.000 đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*) O sử dụng cá nhân hết.

Ngày 18/12/2023, Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự “Đánh bạc và tổ chức đánh bạc xảy ra ngày 10/4/2023 tại thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum” và tuyên phạt Nguyễn Thanh T mức án 21 (*Hai mươi một*) tháng tù. Sau khi bị tuyên án tù giam, Nguyễn Thanh T biết Phạm Thị Hồng O lừa chiếm đoạt tiền của mình nên liên lạc với O để đòi lại tiền. Sau nhiều lần yêu cầu O trả tiền, đến gần Tết Nguyên đán năm 2024, O trả lại cho T số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*). T tiếp tục nhiều lần hỏi O để lấy số tiền còn lại nhưng O hứa hẹn nhiều lần mà không trả nên ngày 27/02/2024, Nguyễn Thanh T viết đơn tố giác Phạm Thị Hồng O có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K. Ngày 12/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K chuyển đơn tố giác của Nguyễn Thanh T và các tài liệu liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ để điều tra xác minh theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, căn cứ kết quả tra cứu lịch sử giao dịch tài khoản ngân hàng của Phạm Thị Hồng O xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 26/5/2023 đến ngày 06/12/2023, Nguyễn Thanh T chuyển khoản cho Phạm Thị Hồng O 15 lần với tổng số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*). Trong đó số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà T chuyển đến số tài khoản của O vào ngày 03/10/2023 được xác định là tiền O vay mượn của T.

Ngoài ra bị hại Nguyễn Thanh T cho rằng: Trước khi thực hiện việc chuyển khoản nhiều lần cho Phạm Thị Hồng O thì trước đó vào khoảng cuối tháng 4/2023, sau khi gặp O tại thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum và được O nói có thể hỏi lo giúp được cho mình thì T đã đưa trực tiếp cho O số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) theo yêu cầu của O tại quán cà phê thuộc thôn F, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Quá trình điều tra, O không thừa nhận nội dung trên, Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa Phạm Thị Hồng O và Nguyễn Thanh T nhưng không có kết quả. Ngoài lời khai của Nguyễn Thanh T thì không có tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh O có nhận của T số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) nên không đủ cơ sở để xác định trách nhiệm hình sự của Phạm Thị Hồng O đối với số tiền 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*) theo lời khai của Nguyễn Thanh T.

Tại bản Cáo trạng số 56/CT-VKSDH, ngày 21/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Phạm Thị Hồng O về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum; bị cáo không ý kiến gì về các hoạt động tố tụng và không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Qua tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng và quyết định truy tố đối với bị cáo Phạm Thị Hồng O đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Hồng O phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và đề nghị xử phạt bị cáo từ 03 (*Ba*) năm đến 03 (*Ba*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam. Bị cáo hiện đang bị tạm giam và có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V21 5G, màu tím hồng, đã qua sử dụng, gắn 02 sim: Sim 1 gắn sim số 0399256768, số IMIE1: 868163057754159. Sim 2 gắn sim số 0869152045, số IMIE2: 868163057754142 của Phạm Thị Hồng O.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại Nguyễn Thanh T về việc không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai và vi phạm pháp luật, bị cáo hối hận về hành vi của mình; bị cáo có lời xin lỗi bị hại

và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có cơ hội trở về lo cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên hợp pháp.

Đối với sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại không ai có ý kiến gì về việc vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về nội dung vụ án và căn cứ định tội.*

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở khẳng định:

Bị cáo Phạm Thị Hồng O chỉ là lao động tự do, không phải là người có chức vụ quyền hạn, không có thẩm quyền giải quyết vụ án liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật của Nguyễn Thanh T nhưng đã chủ động đưa ra các thông tin không có thật về việc có thể lo giúp cho Nguyễn Thanh T chỉ bị xử lý nhẹ về hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc mà Nguyễn Thanh T bị Công an huyện Đ bắt quả tang ngày 10/4/2024, tại thôn G, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Vì vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 26/5/2023 đến ngày 06/12/2023, bị cáo Nguyễn Thị Hồng O đã nhiều lần nhắn tin với Nguyễn Thanh T để yêu cầu T chuyển tiền lo công việc, vì tin tưởng bị cáo Phạm Thị Hồng O có thể giúp lo được vụ việc cho mình nên trong khoảng thời gian từ ngày 26/5/2023 đến ngày 06/12/2023, Nguyễn Thanh T đã 15 lần chuyển vào số tài khoản 040058556868 của bị cáo Phạm Thị Hồng O với tổng số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*). Trong đó xác định được số tiền mà Nguyễn Thanh T đã chuyển cho bị cáo Phạm Thị Hồng O nhằm mục đích để liên hệ với các cơ quan chức năng xem xét xử lý nhẹ hành vi phạm tội của Nguyễn Thanh T là 137.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu đồng*). Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền, bị cáo Phạm Thị Hồng O đã chiếm đoạt, sử dụng vào việc trả nợ và mục đích cá nhân.

Hành vi nói trên của bị cáo Phạm Thị Hồng O đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng số 56/CT-VKSĐH, ngày 21/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đã truy tố bị cáo Phạm Thị Hồng O về tội “*Lừa đảo*

chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:*

Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối tạo niềm tin để chiếm đoạt tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm phạm đến tài sản của bị hại mà còn tạo dư luận xấu và làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan Nhà nước, đặc biệt là các cơ quan thực thi pháp luật. Vì vậy, cần phải xem xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo để xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] *Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu đã từng lần bị kết án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và chưa được xóa án tích.

- Về tình tiết tăng nặng: Trong vụ án này, bị cáo đã nhiều lần đưa ra thông tin gian dối để yêu cầu bị hại chuyển tiền cho bị cáo nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự ngoài ra ngày 01/10/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xử phạt 20 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2018/HS-ST nhưng chưa chấp hành phần bồi thường trách nhiệm dân sự, chưa chấp hành việc nộp án phí hình sự, dân sự sơ thẩm nên chưa được xóa án tích. Vì vậy, lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm” là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại anh Nguyễn Thanh T số tiền 10.000.000 đồng, mặt dù số tiền bị cáo bồi thường cho bị hại là không lớn so với số tiền bị cáo chiếm đoạt nhưng cũng xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và bị hại anh Nguyễn Thanh T cũng cho rằng bị cáo có sự ăn năn hối cải nên xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Bản thân bị cáo là lao động tự do, có thu nhập không ổn định và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] *Một số nội dung có liên quan:* Đối với hành vi Nguyễn Thanh T chuyển tiền cho Phạm Thị Hồng O, quá trình điều tra xác định mặc dù Nguyễn Thanh T có hành vi đưa, chuyển tiền cho Phạm Thị Hồng O để nhờ O giúp cho bản thân được cơ quan chức năng xử lý nhẹ về hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, kết quả điều tra xác định giữa Phạm Thị Hồng O và Nguyễn Thanh T không bàn bạc, thỏa thuận về việc đưa tiền cho

người có chức vụ, quyền hạn cụ thể nào. Phạm Thị Hồng O là người chủ động yêu cầu, gợi ý T đưa tiền và có hành vi gian dối, đưa ra các thông tin không đúng sự thật làm cho Nguyễn Thanh T tin và đồng ý đưa tiền cho O, sau đó bị cáo O đã chiếm đoạt tiền của Nguyễn Thanh T. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với hành vi nói trên của Nguyễn Thanh T là đúng quy định của pháp luật.

[7] *Về trách nhiệm dân sự:*

Tại phiên tòa mặc dù đã được Hội đồng xét xử giải thích về quyền yêu cầu bồi thường nhưng bị hại anh Nguyễn Thanh T cho rằng hiện nay bị cáo cũng khó khăn nên không yêu cầu bị cáo Phạm Thị Hồng O phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt còn lại. Xét thấy, đây là sự tự nguyện định đoạt của bị hại nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) mà Nguyễn Đức T1 đã chuyển cho bị cáo Phạm Thị Hồng O vào ngày 24/11/2023. Trong quá trình điều tra Nguyễn Đức T1 không yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V21 5G, màu tím hồng, đã qua sử dụng, gắn 02 sim: Sim 1 gắn sim số 0399256768, số IMIE1: 868163057754159. Sim 2 gắn sim số 0869152045, số IMIE2: 868163057754142 của Phạm Thị Hồng O. Bị cáo Phạm Thị Hồng O đã sử dụng để liên lạc với Nguyễn Thanh T và thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo Phạm Thị Hồng O phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Hồng O phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Hồng O 03 (*Ba*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 28/5/2024.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO V21 5G, màu tím hồng, gắn 02 sim: Sim 1 gắn sim số 0399256768, số IMIE1: 868163057754159. Sim 2 gắn sim số 0869152045, số IMIE2: 868163057754142. Được niêm phong trong phong bì dán kín, mặt trước có chữ “CÔNG AN TỈNH KON TUM

CÔNG AN HUYỆN ĐẮK HÀ”, mặt sau tại các mép dán có chữ ký ghi họ tên ông Nguyễn Quang H3, Phạm Thị Hồng O và ông Vũ Văn M.

(Vật chứng, đồ vật nêu trên có đặc điểm theo như biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 02 tháng 01 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Kon Tum và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum).

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị hại anh Nguyễn Thanh T về việc không yêu cầu bị cáo Phạm Thị Hồng O phải bồi thường số tiền còn lại.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 6; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Phạm Thị Hồng O phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (03/01/2025) bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đăk Hà;
- Cơ quan CSĐTCA huyện Đăk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đăk Hà;
- Bị cáo và các đương sự khác;
- Sơ Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tiến